

Bài 1

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG VÀ KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG

A. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

I. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Tiền đề kinh tế - chính trị

Cũng như mọi học thuyết xã hội khác, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra đời trong những hoàn cảnh kinh tế, xã hội, chính trị cụ thể, xuất phát từ những tiền đề kinh tế, xã hội, chính trị nhất định.

Tiền đề trước hết dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin là sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nhờ những cải tiến, phát minh về kỹ thuật và công nghệ, sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội ngày càng đạt trình độ xã hội hóa cao hơn, dẫn tới sự ra đời của nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí. Quan hệ sản

xuất hàng hóa vốn ra đời từ rất sớm, ngay từ khi chế độ công xã nguyên thủy bị tan rã và tồn tại, phát triển xuyên qua chế độ kinh tế chiếm hữu nô lệ và phong kiến. Quan hệ sản xuất hàng hóa không chỉ tồn tại, phát triển trên nền của lực lượng sản xuất xã hội mà đồng thời cũng thúc đẩy sự phát triển của kỹ thuật, công nghệ và các ngành công nghiệp. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì tính chất xã hội hóa của nó cũng ngày càng cao.

Tuy nhiên, tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất lại mâu thuẫn với tính chất tư nhân của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản là giữa tính chất xã hội hoá của lực lượng sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn này ngày càng phát triển đã trở nên gay gắt và trở thành mâu thuẫn chủ yếu của xã hội, chi phối các mâu thuẫn khác trong xã hội tư bản, trước hết là mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản gắn liền với sự ra đời và phát triển của giai cấp công nhân. Cơ cấu xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa có đặc trưng cơ bản là tồn tại hai giai cấp đối lập nhau về lợi ích là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Mâu thuẫn giai cấp làm cho phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ngày càng lan rộng, phát triển từ tự phát đến tự giác, từ đấu tranh kinh tế đến đấu tranh chính trị. Các cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản... thể hiện

sự trưởng thành về chính trị của họ. Cuộc đấu tranh đó đòi hỏi phải có sự dẫn dắt của lý luận khoa học và cách mạng. Quá trình trên là quá trình mang tính quy luật và học thuyết của Mác ra đời đáp ứng những đòi hỏi ấy.

2. Tiền đề khoa học và lý luận

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một "khoa học", một "lý luận" ("lý thuyết"). Không thể có chủ nghĩa Mác - Lênin nếu sự phát triển của khoa học chưa đạt đến một trình độ nhất định.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống các quan niệm, quan điểm về thế giới xung quanh và đời sống con người, dựa trên cơ sở lý luận bao gồm ba bộ phận cấu thành là triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự kế thừa và phát triển những thành tựu quan trọng nhất của tư duy nhân loại, từ tư duy triết học cho đến các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Những thành tựu của triết học cổ điển Đức (đại biểu là Cantơ, Hêghen, Phoiơbắc) là cơ sở trực tiếp của triết học duy vật biện chứng.

Những thành tựu khoa học tự nhiên có vai trò rất quan trọng trong sự ra đời của triết học Mác; những phát minh lớn của khoa học tự nhiên, như: Định luật bảo toàn năng lượng, Thuyết tế bào và Thuyết tiến hóa của Đacuyn, làm bộc lộ rõ tính hạn chế và bất lực của phương pháp tư

duy siêu hình trong việc nhận thức thế giới, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học để phát triển tư duy biện chứng, hình thành phép biện chứng duy vật.

Trong khoa học xã hội, kinh tế chính trị cổ điển Anh (đại biểu là Adam Xmit và Đavít Ricácđô), chủ nghĩa xã hội không tưởng thế kỷ XIX (đại biểu là Xanh Ximông, Sácơ Phuriê ở Pháp; Rôbéc Ôoen ở Anh...), v.v., khẳng định vai trò của sản xuất vật chất, vai trò của quan hệ sản xuất..., đặt nền móng cho các quan điểm duy vật lịch sử, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, v.v..

3. Tiền đề thực tiễn

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX là thời kỳ phương thức sản xuất tư bản ở châu Âu phát triển mạnh mẽ mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, đánh dấu một bước chuyển biến từ nền sản xuất thủ công sang sản xuất đại công nghiệp, lượng của cải sản xuất ra bằng tất cả những năm trước đó cộng lại. Cùng với sự ra đời của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản cũng được hình thành và phát triển mạnh mẽ.

Sau khủng hoảng kinh tế năm 1825, chủ nghĩa tư bản tăng cường bóc lột đã dẫn đến mâu thuẫn giữa những người lao động và các nhà tư bản, xuất phát từ mâu thuẫn đó các cuộc khởi nghĩa của phong trào công nhân nổ ra ở khắp các nước châu Âu: Khởi nghĩa của công nhân Pháp 1831-1834; Hiến chương của công nhân Anh 1835-1848; Khởi nghĩa của công nhân Đức 1844, v.v..

Phong trào công nhân cần một hệ tư tưởng soi đường. Chủ nghĩa Mác ra đời đã đáp ứng được yêu cầu đó.

C. Mác (1818-1883) và Ph. Ăngghen (1820-1895) đã kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và phát triển những tiền đề lý luận trên để sáng tạo ra học thuyết khoa học và cách mạng giai cấp vô sản, đó là chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác ra đời đáp ứng đòi hỏi cấp bách của phong trào cách mạng thế giới. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác không chỉ là sự phản ánh của thực tiễn xã hội, nhất là tình hình thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, mà là một tất yếu khách quan trong tiến trình phát triển hợp logic của lịch sử nhân loại, là thành tựu trí tuệ của loài người.

II. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - KẾT QUẢ KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN TINH HOA TRÍ TUỆ CỦA LOÀI NGƯỜI

1. Ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin thực chất là "chủ nghĩa cộng sản khoa học theo nghĩa rộng", một hệ thống lý luận thống nhất ba bộ phận: triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.

a) Triết học Mác - Lênin (bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử)

Triết học Mác - Lênin là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

Triết học Mác - Lênin kế thừa và phát triển, bổ sung những thành tựu của các nền triết học trước đó của loài người, đặc biệt là chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc và phép biện chứng của Hêghen.

b) Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là khoa học nghiên cứu quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất của cải vật chất của xã hội, tức quan hệ sản xuất. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; những quy luật kinh tế chủ yếu hình thành, phát triển và đưa chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội không có áp bức, bất công, vì tự do, ấm no, hạnh phúc cho mọi người.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin kế thừa, phát triển và bổ sung những thành tựu nghiên cứu của khoa học kinh tế chính trị của loài người, đặc biệt là khoa học kinh tế chính trị cổ điển, nhất là các quan điểm, tư tưởng của Adam Xmit và Đavít Ricácđô.

c) Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đặc biệt là quá trình chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa, việc xã hội hóa lao động trong chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cơ

là vật chất chủ yếu cho sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội; động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó là chủ nghĩa Mác - Lênin; lực lượng xã hội thực hiện sự chuyển biến đó là giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự kế thừa, phát triển và bổ sung các nhân tố hợp lý của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, nhất là chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.

2. Sự bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác của V.I. Lênin

a) Đấu tranh bảo vệ và phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử

Lênin phân tích, phê phán lý luận nhận thức của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán và phát triển những vấn đề nhận thức luận duy vật biện chứng, những nguyên nhân xuất hiện, bản chất và vai trò của chủ nghĩa duy tâm "vật ý", phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán trong lĩnh vực khoa học xã hội và phát triển các vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Khi giải quyết những vấn đề cơ bản của triết học, phát triển toàn diện lý luận nhận thức duy vật biện chứng, Lênin nêu ra những vấn đề quan trọng của lý luận phản ánh như vấn đề khách quan và tính cụ thể của chân lý, phép biện chứng của chân lý tuyệt đối và chân lý tương đối. Trong khi bảo vệ và phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng, Lênin vạch ra mối quan hệ bên trong, sự

thống nhất không thể tách rời giữa chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự thống nhất trong cách giải thích duy vật về tự nhiên, xã hội và về cả tư duy con người cũng được đề cập trong tác phẩm này.

Khi tổng kết những dữ kiện mới của khoa học tự nhiên, Lênin đã vạch ra thực chất của cuộc khủng hoảng trong khoa học tự nhiên. Đó là do "lý luận duy vật về nhận thức mà vật lý cũ thừa nhận một cách tự phát đã nhường chỗ cho thuyết không thể biết và chủ nghĩa duy tâm về nhận thức". Điều kiện để thoát khỏi khủng hoảng là chủ nghĩa duy vật biện chứng phải thay thế chủ nghĩa duy vật siêu hình. Lênin đã luận giải về nguyên tắc tính đảng của triết học, về những nguyên tắc sắp xếp và phân loại các trường phái triết học, mối quan hệ của chúng với lợi ích các tập đoàn và giai cấp trong xã hội...

Như vậy, trong hoàn cảnh cuộc cách mạng khoa học - công nghệ diễn ra mạnh mẽ với những nhận thức khoa học mới của loài người về thế giới, V.I. Lênin đã tiếp tục bổ sung, phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng mácxít và bảo vệ chủ nghĩa Mác trước sự tấn công của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật máy móc.

b) Đấu tranh bảo vệ và phát triển các quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về chủ nghĩa tư bản, cách mạng xã hội chủ nghĩa

Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã chuyển sang giai đoạn phát triển mới, giai đoạn chủ nghĩa

đế quốc. Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc không thể điều hòa được, dẫn tới chiến tranh đế quốc. Trong điều kiện đó, cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một vài nước, thậm chí ở một nước tư bản kém phát triển. Do sự xâm chiếm và đô hộ các nước thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, trên thế giới đã xuất hiện phong trào đấu tranh chống đế quốc giành lại nền độc lập ở các nước thuộc địa. Vì vậy, cách mạng vô sản ở các nước đế quốc và phong trào giải phóng dân tộc có mối quan hệ khăng khít với nhau, cùng chống một kẻ thù chung.

Trong hoàn cảnh đó, V.I. Lênin đã vận dụng và phát triển sáng tạo, toàn diện học thuyết Mác để giải quyết những vấn đề của cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

V.I. Lênin đã phân tích sâu sắc về chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra những mâu thuẫn nội tại không thể khắc phục được của chủ nghĩa tư bản đi đến khẳng định khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản, về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Với thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, V.I. Lênin đã phát triển một loạt vấn đề lý luận mới: Về xây dựng Chính quyền Xôviết; phát triển kinh tế, khoa học - kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới; tiến hành công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc; thực hiện

dân chủ xã hội chủ nghĩa... Đó chính là sự bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác.

Để bảo vệ chủ nghĩa Mác, V.I. Lênin không chỉ phê phán không khoan nhượng đối với mọi kẻ thù của chủ nghĩa Mác, mà còn kịch liệt phê phán chủ nghĩa xét lại, cơ hội, tả, hữu khuynh, giáo điều, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác.

Những cống hiến lý luận của V.I. Lênin trong việc phát triển sáng tạo học thuyết Mác đã tạo nên một hệ thống lý luận thống nhất của nhân loại, trước hết là của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Chính vì thế mà một giai đoạn mới trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác đã gắn liền với tên tuổi của V.I. Lênin, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản được gọi là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Với bản chất khoa học và cách mạng, ngày nay chủ nghĩa Mác - Lênin đã, đang và sẽ tiếp tục được vận dụng, bổ sung và phát triển trong thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, phát triển và chủ nghĩa xã hội.

III. BẢN CHẤT KHOA HỌC, CÁCH MẠNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

a) Bản chất khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Chủ nghĩa Mác - Lênin - một hệ thống lý luận được tổng kết từ thực tiễn lịch sử phát triển của loài người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là học thuyết duy lý, kết quả của tư duy tư biện mà được tổng kết từ lịch sử phát triển của loài người mấy nghìn năm qua. Để tìm ra được quy luật vận động của lịch sử, C. Mác, Ph. Ăngghen đã phải nghiên cứu, phân tích các cứ liệu lịch sử nhân loại suốt mấy nghìn năm. Các ông phải dựa trên những phát minh mới nhất của khoa học lịch sử đương thời. Để đưa ra những quan điểm mới, những biểu hiện mới của chủ nghĩa đế quốc, những chỉ dẫn mới đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa, V.I. Lênin đã phải không ngừng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm từ các cuộc cách mạng trước đó...

- Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận có tính logic chặt chẽ giữa các phần, các bộ phận.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử, mà cốt lõi là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, là một thành tựu vĩ đại của triết học mácxít. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội đã chỉ rõ sự chuyển biến từ một hình thái kinh tế - xã hội này sang một hình thái kinh tế - xã hội khác diễn ra không phải một cách tự động mà trải qua quá trình đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt.

Quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện sự vận động của phương thức sản xuất. Đó là cơ sở để khẳng

định sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết Mác về giá trị thặng dư đã vạch ra quy luật kinh tế cơ bản của xã hội tư bản, từ đó vạch ra bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản đã chỉ rõ giai cấp công nhân là người lãnh đạo cuộc đấu tranh để lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, giải phóng giai cấp mình và đồng thời giải phóng xã hội.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan và phương pháp luận.

Bản thân các quy luật, nguyên lý trong chủ nghĩa Mác - Lênin vừa có ý nghĩa thế giới quan, vừa có ý nghĩa phương pháp luận. Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn liền với nhau. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên triệt để và phép biện chứng trở thành khoa học.

Thế giới quan duy vật biện chứng giúp con người hiểu rõ bản chất của thế giới là vật chất. Thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy vận động, biến đổi theo những quy luật khách quan. Con người thông qua hoạt động thực tiễn có thể nhận thức, giải thích, cải tạo thế giới, làm chủ thế giới.

Phương pháp luận đúng đắn giúp xem xét sự vật, hiện tượng một cách khách quan, phân tích cụ thể theo tình thần biện chứng. Sự thống nhất giữa thế giới quan và

phương pháp luận đã đưa chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành một hệ thống lý luận mang tính khoa học sâu sắc và cách mạng triệt để.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết toàn diện.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết toàn diện, bao gồm từ mục tiêu giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người đến con đường, lực lượng, phương thức đạt mục tiêu đó. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ quần chúng nhân dân là chủ nhân của xã hội, là người sáng tạo ra lịch sử, điều đó đem lại cho loài người, đặc biệt là giai cấp công nhân, nhân dân lao động những công cụ nhận thức và cải tạo thế giới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp mình, giải phóng toàn xã hội và giải phóng con người; không chỉ giải thích mà còn vạch ra con đường, những phương tiện cải tạo thế giới.

Ra đời trong thực tiễn đấu tranh của phong trào công nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định mối quan hệ hữu cơ, biện chứng giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin - một học thuyết mở, không ngừng tự đổi mới, tự phát triển trong dòng trí tuệ của nhân loại.

Mang bản chất khoa học nên chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là một hệ thống các nguyên lý giáo điều, bất biến mà gắn với quá trình phát triển của tri thức nhân loại và phong trào cách mạng trên thế giới. Chính C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã nhiều lần khẳng định học

thuyết của các ông không phải là cái đã xong xuôi hẳn; ngược lại, còn nhiều điều các ông chưa có điều kiện, thời gian, cơ hội nghiên cứu. Phát triển lý luận Mác - Lênin là trách nhiệm của các thế hệ kế tiếp sau, của những người mácxít chân chính. Ngay bản thân các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình nghiên cứu và hoạt động trong phong trào công nhân cũng đã điều chỉnh một số luận điểm của mình.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở. Vì vậy, nó không bao giờ là một học thuyết lý luận cứng nhắc và giáo điều. Thế hệ này nối tiếp thế hệ khác tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho học thuyết của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin ngày càng được bổ sung và hoàn thiện.

Toàn bộ học thuyết Mác - Lênin có giá trị bền vững, xét trong tinh thần biện chứng, nhân đạo và hệ thống tư tưởng cốt lõi của nó. Đó là những kết tinh trí tuệ của nhân loại qua các thế hệ nối tiếp nhau, để ngày càng phát triển và hoàn thiện.

b) Bản chất cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin là một bước ngoặt, một cuộc cách mạng trong lịch sử nhận thức của nhân loại.

Với chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa Mác - Lênin lần đầu tiên chỉ ra bản chất tự vận động, tự phát triển của thế giới vật chất mà không cần đến một thế lực bên ngoài nào. Chủ nghĩa duy vật trước Mác đã thừa nhận tính tự

nhiên của vật chất, nhưng lại chưa biết đến bản chất tự vận động và phát triển của nó, chưa nhìn thấy bản chất biện chứng như là một thuộc tính nội tại của nó. Do đó, khi nói về vận động, họ lại cần đến một lực đẩy từ bên ngoài... Chủ nghĩa duy tâm nhìn thấy bản chất biện chứng của thế giới, nhưng cái biện chứng đó chỉ là sự "áp đặt" từ ngoài vào.

Với chủ nghĩa duy vật lịch sử, lần đầu tiên chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra bản chất tự vận động và phát triển của lịch sử. Bản thân lịch sử loài người cũng như lịch sử của thế giới vô cơ, thế giới hữu cơ, thế giới tự nhiên, cũng có những quy luật vận động, phát triển riêng của nó, có quá trình vận động, phát triển qua các "nấc thang" từ thấp đến cao.

Chủ nghĩa Mác - Lênin làm cho triết học trước đây chỉ là công cụ giải thích thế giới trở thành phương pháp luận cải tạo, biến đổi thế giới. Đó là tính chất "hành động" của chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn lý luận với thực tiễn.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết chỉ ra bản chất áp bức, bóc lột, bất công của xã hội hiện thời và yêu cầu phải cải tạo, cải biến và từng bước thay thế nó bằng xã hội mới tốt đẹp hơn.

Nhờ học thuyết giá trị thặng dư - một trong ba phát kiến vĩ đại của Mác, chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra quy luật cơ bản của xã hội tư bản, từ đó hiểu được mọi hiện tượng nảy sinh trong xã hội tư bản để có thái độ đúng đắn đối với xã hội ấy. Cùng với học thuyết giá trị thặng dư, Mác đã phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nhờ đó đã biến ước mơ giải phóng loài người từ

không tưởng thành hiện thực. Chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí tư tưởng và lý luận sắc bén của giai cấp công nhân làm cuộc cách mạng lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là học thuyết chỉ rõ mục tiêu, con đường, bước đi để giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động mà còn là học thuyết giải phóng loài người nói chung.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là của loài người nói chung. Đó không chỉ là vũ khí tư tưởng, phương pháp luận mà còn là kế hoạch, con đường, bước đi... để giải phóng loài người thoát khỏi mọi sự áp bức, bất công, nô dịch giai cấp...

2. Giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin

Giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ thể hiện trong nhận thức mà trước hết ở vai trò to lớn của nó đối với thực tiễn lịch sử phát triển của loài người. Giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức thể hiện ở cuộc cách mạng trong triết học, kinh tế học chính trị và xã hội học mà nó thực hiện.

Các nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn lịch sử phát triển của loài người đã chứng minh các *nguyên lý cơ bản* của chủ nghĩa Mác - Lênin *vẫn giữ nguyên giá trị*. Những phát minh khoa học mới nhất của loài người cũng không phủ nhận các nguyên lý cơ bản đó. Thực tiễn sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đương đại đã chứng minh tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Các

cộc khủng hoảng trong chủ nghĩa tư bản thời gian gần đây chứng minh các luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa tư bản...

Về giá trị đối với thực tiễn, chủ nghĩa Mác - Lênin là ngọn đuốc soi đường cho phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới, tạo ảnh hưởng sâu rộng đến các phong trào cách mạng và sự tiến bộ của loài người nói chung...

Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực đã có những đóng góp to lớn vào lịch sử phát triển của loài người như: Giải phóng hàng trăm triệu người khỏi sự nô dịch giai cấp; buộc chủ nghĩa tư bản phải điều chỉnh, có bước phát triển theo chiều hướng tiến bộ hơn; tạo cơ sở cho sự phát triển của loài người trong giai đoạn sau này của lịch sử...

Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ, nhưng các nước theo con đường xã hội chủ nghĩa lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng của Đảng cầm quyền như Việt Nam, Trung Quốc... đã thực hiện công cuộc đổi mới, cải cách thành công và đã thu được những thành tựu to lớn.

Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng... ít nhiều dựa trên các chỉ dẫn của chủ nghĩa Mác - Lênin đã có bước phục hồi và phát triển. Những điều đó minh chứng cho giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp tục trường tồn và phát triển.

Bên cạnh đó, chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là "kinh thánh", không phải là hệ thống giáo điều; nó ra đời và phát triển trong điều kiện lịch sử nhất định, do đó phải có khiếm khuyết, hạn chế...

Tính không hiệu quả, sự trì trệ của nền kinh tế ở Liên Xô và Đông Âu cũng như sự sụp đổ của mô hình này cho thấy có những yếu tố trong chủ nghĩa Mác - Lênin cần phải điều chỉnh, đặc biệt, có sự hiểu sai và vận dụng không đúng của các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế trong thế kỷ XX. Thực tiễn phát triển của chủ nghĩa tư bản đòi hỏi phải có nhìn nhận, nghiên cứu, bổ sung. Nhiều vấn đề đặt ra trong thực tiễn thế giới không có câu trả lời trong chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều này chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là giáo điều mà cần được liên tục bổ sung, phát triển...

Trên con đường đi tìm đường cứu nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp vô sản. Người khẳng định muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không còn con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản. Từ đó, các hoạt động lý luận và thực tiễn của Người hướng tới việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Mùa xuân năm 1930, Người chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn), thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam¹. Hội nghị đã thông qua Chính

1. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930 tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã quyết định lấy ngày 3-2-1930 là ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng. Đảng tuyên bố lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng của mình.

Đến Đại hội VII của Đảng (tháng 6-1991), Đảng ta đã xác định *tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta*. Trên cơ sở đó, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội, Đảng đã khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động..."¹. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, được thông qua tại Đại hội XI (tháng 1-2011) của Đảng, một lần nữa khẳng định điều này.

B. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm về tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.29.

sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6-1991), lần đầu tiên Đảng ta khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Văn kiện của Đại hội đã nêu: "... tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta"¹.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu khoa học có sức thuyết phục, Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) đã nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh: "***Tư tưởng Hồ Chí Minh*** là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.51, tr. 29-30.

đo dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân..."¹. Đại hội đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, "soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta"².

Từ khái niệm nêu trên, có thể rút ra cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

- Đó là hệ thống các quan điểm lý luận, phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của dân tộc Việt Nam.

- Nguồn gốc tư tưởng, lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lênin, các giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Nội dung cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh bao

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.83-84.

gồm những vấn đề có liên quan trực tiếp đến cách mạng Việt Nam.

- Giá trị, ý nghĩa, sức hấp dẫn, sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ đã soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc trong thực hiện nhiệm vụ đấu tranh nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Theo Nghị quyết Đại hội IX, hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người;

- Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;

- Tư tưởng về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc;

- Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân;

- Tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân;

- Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân;

- Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;

- Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau;

- Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh,

cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đả
tố thật trung thành của nhân dân...

2. Nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất
nước có nhiều biến động. Trong nước, chính quyền triều
Nguyễn đã từng bước khuất phục trước cuộc xâm lược củ
thực dân Pháp, lần lượt ký kết các hiệp ước đầu hàng
thừa nhận sự bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Việ
Nam. Nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang chống thực dâ
Pháp dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu, văn thân yêu nước
đã nổ ra và đều thất bại, do hệ tư tưởng phong kiến đã
ra lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.

Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp khiến
cho xã hội nước ta có sự biến chuyển và phân hóa. Giai cấp
công nhân, tầng lớp tiểu tư sản và tư sản bắt đầu xuất
hiện. Các "tân thư", "tân văn", "tân báo" và những ảnh
hưởng của trào lưu cải cách ở Nhật Bản, Trung Quốc tràn
vào Việt Nam. Đó là những tiền đề tạo nên phong trào yêu
nước giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX theo
hướng dân chủ tư sản do các sĩ phu yêu nước, tiêu bi
như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc
Kháng... lãnh đạo. Nhưng tất cả đều không thành công.

Yêu cầu bức thiết của lịch sử, của sự nghiệp cứu nước
của nhân dân ta vào đầu thế kỷ XX là phải tìm ra con
đường mới, phù hợp với thời đại.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do chuyển sang giai đoạn độc quyền, xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới. Ở các nước thuộc địa, bên cạnh sự bóc lột của phong kiến thì bao trùm lên là sự bóc lột tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc đã trở thành kẻ thù chung của các dân tộc trên thế giới, cả ở chính quốc và ở thuộc địa.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập Chính quyền Xôviết, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, nhiều dân tộc vốn là thuộc địa của đế quốc Nga đã được tự do, được hưởng quyền dân tộc tự quyết, hình thành nên các quốc gia độc lập và dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết (1922). Cuộc cách mạng vĩ đại này đã làm "thức tỉnh các dân tộc châu Á"; là tấm gương sáng về sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức, "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"¹.

Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (tháng 3-1919), phong trào công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 8, tr. 562. Sau đây, những trích dẫn trong *Hồ Chí Minh Toàn tập* đều được trích dẫn từ bộ sách Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (gồm 12 tập) do Nxb. Chính trị quốc gia ấn hành năm 2002 và chú thích nguồn dẫn này chỉ ghi tên tác giả, tên tác phẩm, số tập, số trang.

giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông càng có quan hệ mật thiết với nhau hơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời đã hình thành nên những giá trị truyền thống hết sức đặc sắc và cao quý của dân tộc Việt Nam, trở thành tiền đề tư tưởng, lý luận xuất phát cho việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất; là tinh thần tương thân tương ái, lòng nhân nghĩa, ý thức cố kết cộng đồng; là ý chí vươn lên vượt qua mọi khó khăn, thử thách; là trí thông minh, tài sáng tạo, quý trọng hiền tài, khiêm tốn tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc...

Trong những giá trị đó, chủ nghĩa yêu nước truyền thống là tư tưởng, tình cảm cao quý, thiêng liêng nhất, là cội nguồn của trí tuệ sáng tạo và lòng dũng cảm của người Việt Nam, là chuẩn mực đạo đức cơ bản của dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước đã ăn sâu vào tiềm thức và trở thành ý chí, hành động của mỗi con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết chân lý: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr. 171.

Chính sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước đã thúc giục Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, tìm kiếm những gì hữu ích cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu, chắt lọc những gì tinh túy nhất trong tư tưởng triết học, văn hóa, tôn giáo ở phương Đông và phương Tây. Người tiếp thu mặt tích cực của Nho giáo, với các triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời, triết lý nhân sinh, tu thân dưỡng tính; thể hiện ước vọng về một xã hội bình trị, hòa mục, hòa đồng, đề cao văn hóa, lễ giáo, truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo...

Với Phật giáo, Hồ Chí Minh tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng vị tha, từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân...; nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm việc thiện; tinh thần bình đẳng, dân chủ, chống phân biệt đẳng cấp; đề cao lao động, chống lười biếng; chủ trương sống không xa lánh việc đời mà gắn bó với dân, với nước, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân chống kẻ thù dân tộc...

Khi đã trở thành người mácxít, Người tiếp tục tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, vì thấy trong đó "những điều thích hợp với điều kiện của nước ta".

Trong những năm tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu nền văn hóa và tư tưởng dân chủ, cách mạng ở phương Tây. Người sớm làm quen với văn hóa Pháp, tìm hiểu các cuộc cách mạng ở Pháp và ở Mỹ. Người trực tiếp đọc

và tiếp thu các tư tưởng về tự do, bình đẳng qua các tác phẩm của các nhà khai sáng như Vôn-te, Rút-xô, Mông-tét-xkiơ... Người tiếp thu các giá trị của bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791, các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của nhân loại, Đông và Tây, vừa tiếp thu, vừa gạn lọc để từ đó suy nghĩ, lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Người dẫn lời của V.I. Lênin: "Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại"¹.

Kết hợp các giá trị truyền thống của văn hóa phương Đông với các thành tựu hiện đại của văn minh phương Tây, đó chính là nét đặc sắc trong quá trình hình thành tư tưởng, văn hóa, nhân cách Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin ở Hồ Chí Minh diễn ra trên nền tảng của những tri thức văn hóa tinh túy, được chắt lọc, hấp thụ và vốn hiểu biết phong phú, được tích lũy qua thực tiễn bốn ba nhiều nơi, từ hoạt động đấu tranh vì mục tiêu cứu nước và giải phóng dân tộc. Với khả năng tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, Hồ Chí Minh không tiếp thu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr. 46.

một cách thụ động, máy móc, mà vận dụng những nguyên lý cách mạng của thời đại vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Quá trình đó diễn ra một cách chân thành và giản dị. Điều này đã được Hồ Chí Minh cất nghĩa trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lenin*: "Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên... Tôi kính yêu Lenin vì Lenin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình... Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các "ông bà" ấy - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như Đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu"¹.

Sau khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lenin (1920), Hồ Chí Minh đã "rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng... vui mừng đến phát khóc..." vì đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc. Người viết: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lenin, tin theo Quốc tế thứ ba"².

Sự khát khao tìm kiếm và tinh thần cách mạng trong sáng đã giúp Hồ Chí Minh tiếp thu được những giá trị to lớn đó của nhân loại. Từ những nhận thức ban đầu về chủ nghĩa Lenin, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu chủ nghĩa Mác

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.126, 128.

sâu sắc hơn, tiếp thu học thuyết Mác - Lênin một cách có chọn lọc, không rập khuôn máy móc, không sao chép giáo điều. Người tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp mácxít, nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất. Người vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam, chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở.

Thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn để tìm ra con đường cứu nước: "... trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới"¹; "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"².

Những năm tháng hoạt động trong nước và bốn ba qua nhiều nước trên thế giới, Hồ Chí Minh đã không ngừng quan sát, nhận xét thực tiễn, làm phong phú thêm sự hiểu biết của mình; khám phá các quy luật vận động xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh của các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể để khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn, kiểm nghiệm trong thực tiễn. Nhờ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.128.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.268.

vào con đường nhận thức chân lý như vậy mà lý luận của Hồ Chí Minh mang giá trị khách quan, cách mạng và khoa học.

3. Quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh (lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi là Nguyễn Tất Thành) sinh ngày 19-5-1890, trong một gia đình nhà Nho yêu nước, gần gũi với nhân dân.

Hoàn cảnh gia đình có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Người là một nhà Nho cấp tiến, có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Tấm gương lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt qua gian khổ để đạt được mục tiêu, đặc biệt là tư tưởng *thân dân*, lấy dân làm hậu thuẫn cho các cải cách chính trị - xã hội của cụ Phó bảng đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với quá trình hình thành nhân cách của Nguyễn Tất Thành.

Cuộc sống của người mẹ - bà Hoàng Thị Loan - cũng ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Sinh Cung qua đức tính nhân hậu, đảm đang và lối sống chan hòa với mọi người. Các anh chị của Người - bà Nguyễn Thị Thanh (Nguyễn Thị Bạch Liên), ông Nguyễn Sinh Khiêm (Nguyễn Tất Đạt) - đều có lòng nồng nàn yêu nước, điều đó tác động đến Người ngay từ thời nhỏ.

Quê hương Nghệ - Tĩnh đã sản sinh ra Người. Đây là vùng đất vừa giàu truyền thống văn hóa, vừa giàu truyền thống lao động, đấu tranh chống ngoại xâm... Nghệ - Tĩnh

là quê hương của nhiều anh hùng, hào kiệt nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, các lãnh tụ yêu nước thời cận đại như Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu..., những liệt sĩ chống Pháp ngay trên mảnh đất Kim Liên như Vương Thúc Mậu, Nguyễn Sinh Quyền...

Từ thuở thiếu thời, Hồ Chí Minh đã tận mắt chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị áp bức, bóc lột đến cùng cực của đồng bào mình. Khi vào Huế, Người tận mắt nhìn thấy tội ác của thực dân Pháp và thái độ ươn hèn của bọn phong kiến Nam triều. Thêm vào đó là những bài học thất bại của các nhà yêu nước tiền bối và đương thời. Tất cả đã thôi thúc Người ra đi tìm một con đường mới để cứu dân, cứu nước.

Với sự nhạy cảm đặc biệt về chính trị, Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra hạn chế của những người đi trước. Người nhận ra rằng không thể cứu nước theo con đường của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám... Người từ chối Đông Du vì nhận thấy không thể dựa vào nước ngoài để giải phóng Tổ quốc. Người đã tự định ra cho mình một hướng đi mới: Phải tìm hiểu cho rõ bản chất của những từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái của nước Cộng hòa Pháp, phải đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, sẽ trở về giúp đồng bào mình¹.

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1, tr.40-41.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc sang phương Tây tìm đường cứu nước. Đó là việc làm mới mẻ, chưa có tiền lệ, khác với hướng đi truyền thống sang phương Đông của các bậc tiền bối.

Nhờ những bài học từ buổi thiếu niên về lý tưởng "bốn bể đều là anh em" và "năm châu họp làm một nhà", Nguyễn Tất Thành không chỉ đau với nỗi đau của dân tộc mình, mà còn xót xa trước nỗi đau vong nô của các dân tộc khác, đồng cảm với những người cùng cảnh ngộ trên toàn thế giới. Ở Người đã nảy sinh ý thức về sự cần thiết phải đoàn kết những người bị áp bức để đấu tranh cho nguyện vọng và quyền lợi chung.

Cuộc hành trình qua nhiều nước, tự mình "vô sản hóa" không chỉ hình thành ở Hồ Chí Minh tình cảm và ý thức đoàn kết giữa các dân tộc bị áp bức, mà còn rèn luyện Người trở thành một người công nhân có đầy đủ phẩm chất, tư tưởng, tâm lý của giai cấp vô sản. Thực tiễn ấy là cơ sở để Người tiếp thu chủ nghĩa Lênin khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp, số ra ngày 16 và 17-7-1920.

Luận cương của V.I.Lênin đã giải đáp cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào, đáp ứng những tình cảm, suy nghĩ, hoài bão được ấp ủ bấy lâu nay ở Người. Việc tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (tháng 12-1920), trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đã đánh dấu bước chuyển

biến về chất trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản.

Trong giai đoạn từ năm 1921 đến năm 1930, Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động thực tiễn và hoạt động lý luận hết sức phong phú, sôi nổi trên các địa bàn: nước Pháp (1921-1923), Liên Xô (1923-1924), Trung Quốc (1924- 1927), Thái Lan (1928-1929)...

Người viết nhiều bài báo tố cáo chủ nghĩa thực dân, đề cập đến mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc, khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc như: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925); *Đường Kách mệnh* (1927); *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng* (1930) và nhiều bài viết khác của Người trong giai đoạn này là sự phát triển và tiếp tục hoàn thiện tư tưởng cách mạng về giải phóng dân tộc. Những tác phẩm có tính chất lý luận nói trên chứa đựng những nội dung căn bản sau đây:

Bản chất của chủ nghĩa thực dân là "ăn cướp" và "giết người". Vì vậy, chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải đi theo con đường cách mạng vô sản và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Giải phóng dân tộc phải gắn

liên với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân.

Cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng không phụ thuộc vào nhau. Cách mạng giải phóng dân tộc có thể nổ ra và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Cách mạng thuộc địa trước hết là một cuộc "dân tộc cách mệnh", đánh đuổi bọn ngoại xâm, giành độc lập, tự do.

Cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành được thắng lợi cần phải thu phục, lôi cuốn được nông dân đi theo, cần xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cho cách mạng. Đồng thời, cần phải thu hút, tập hợp rộng rãi các giai cấp xã hội khác vào trận tuyến đấu tranh chung của dân tộc.

Cách mạng muốn thành công trước hết cần phải có Đảng lãnh đạo. Đảng phải theo chủ nghĩa Mác - Lênin và phải có một đội ngũ cán bộ sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì lý tưởng của Đảng, vì lợi ích và sự tồn vong của dân tộc, vì lý tưởng giải phóng giai cấp công nhân và nhân loại.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân chứ không phải việc của một vài người. Vì vậy, cần phải tập hợp, giác ngộ và từng bước tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp lên cao.

Những quan điểm, tư tưởng cách mạng trên đây thể hiện đến giai đoạn này tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam đã hình thành về cơ bản. Tư tưởng Hồ Chí Minh

cùng các tài liệu mácxít khác theo những đường dây bí mật được truyền về trong nước, đến với các tầng lớp nhân dân Việt Nam, tạo ra một xung lực mới, một chất men kích thích, thúc đẩy phong trào dân tộc phát triển theo xu hướng mới của thời đại.

Vào cuối những năm 20 đầu những năm 30 của thế kỷ XX, Quốc tế Cộng sản bị chi phối bởi tư tưởng "tả" khuynh. Khuynh hướng này đã trực tiếp tác động vào phong trào cách mạng Việt Nam. Theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930 tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương; chỉ trích và phê phán đường lối trong *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* vì "chỉ lo đến việc phản đế, mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu"... Trên cơ sở xác định chính xác con đường cần phải đi của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã kiên trì bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản.

Tháng 7-1935, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đã phê phán tư tưởng "tả" khuynh trong phong trào cộng sản quốc tế, chủ trương mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất vì hòa bình, chống chủ nghĩa phátxít. Đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, Đại hội VII bác bỏ luận điểm "tả" khuynh trước đây về chủ trương làm "cách mạng công nông", thành lập "Chính phủ Xôviết"...

Sự chuyển hướng đấu tranh của Quốc tế Cộng sản đã chứng tỏ quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng Việt Nam, về Mặt trận dân tộc thống nhất, về việc tập trung mũi nhọn vào chống chủ nghĩa đế quốc là hoàn toàn đúng đắn. Trên quan điểm đó, năm 1936, Đảng ta đã đề ra chính sách mới, phê phán những biểu hiện "tả" khuynh, cô độc, biệt phái trước đây. Như vậy, sau quá trình thực hành cách mạng, cọ xát với thực tiễn, Đảng đã trở lại với *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Nguyễn Ái Quốc. Đó cũng là cơ sở để Đảng ta chuyển hướng đấu tranh trong thời kỳ 1936-1939, thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương và từ năm 1939 đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Trước khi về nước, trong thời gian còn hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc vẫn luôn luôn theo dõi tình hình trong nước, kịp thời có những chỉ đạo để cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên. Người viết tám điểm xác định đường lối, chủ trương cho cách mạng Đông Dương trong thời kỳ 1936-1939¹. Khi tình hình thế giới có những biến động mới, Người đã chủ động đề nghị Quốc tế Cộng sản cho về nước hoạt động. Người yêu cầu "đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng"².

1, 2. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t.2, tr. 91, 70.

Được Quốc tế Cộng sản chấp thuận, Nguyễn Ái Quốc từ Mátxcơva về Trung Quốc (tháng 10-1938). Tại đây, Người đã có những quan điểm chỉ đạo sát hợp gửi cho các đồng chí lãnh đạo trong nước. Ngày 28-1-1941, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941) họp tại Pác Bó (Cao Bằng) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Thời gian từ 1931-1945 là thời kỳ Hồ Chí Minh trải qua nhiều khó khăn, thử thách, nhưng Người đã kiên định, vững vàng và tư tưởng của Người đã được chứng minh là hoàn toàn đúng đắn. Từ khi Người về nước, tư tưởng đó được hiện thực hóa, tạo nên cao trào giải phóng dân tộc 1941-1945.

Sau khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã cèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh hiểm trở đi tới bến bờ thắng lợi. Về đối nội, Người chủ trương củng cố chính quyền non trẻ, đẩy lùi giặc đói, giặc dốt, khắc phục nạn tài chính thiếu hụt. Về đối ngoại, Người vận dụng sách lược khôn khéo, mềm dẻo "thêm bạn, bớt thù", "dĩ bất biến, ứng vạn biến", tranh thủ thời gian để chuẩn bị thế và lực cho kháng chiến lâu dài.

Trước dã tâm cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, đề ra đường lối *vừa kháng*

chiến vừa kiến quốc, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh. Người đặc biệt chăm lo xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cán bộ, đấu tranh chống tệ quan liêu, mệnh lệnh, xây dựng đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phát động phong trào thi đua ái quốc.

Năm 1951, do yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội đã chủ trương thành lập Đảng riêng ở Lào và Campuchia để kịp thời lãnh đạo các nhiệm vụ cách mạng ở mỗi nước. Đại hội cũng thông qua Cương lĩnh và Điều lệ mới của Đảng, đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn, *giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp*, nhằm động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đứng trước yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng đã sớm xác định kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam, đề ra cho mỗi miền Nam, Bắc Việt Nam một nhiệm vụ chiến lược khác nhau, xếp cách mạng miền Bắc vào phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn cách mạng miền Nam thuộc phạm trù cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của toàn bộ cách

mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà; còn cách mạng miền Nam giữ vị trí quan trọng, có tác dụng quyết định trực tiếp nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Xuất phát từ thực tiễn, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhiều vấn đề đã tiếp tục được bổ sung và phát triển, hợp thành một hệ thống những quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam.

II. GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng và cổ vũ cuộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của thời đại

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng của thời đại

C. Mác đã khái quát: "Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại..."¹. Đúng như vậy, Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử vĩ đại. Tư tưởng của Người không chỉ là sản phẩm của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ.

Ngay trong những năm 20 của thế kỷ XX, với quá trình hình thành về cơ bản tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.7, tr.88.

đã có những cống hiến xuất sắc về *lý luận cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa* dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin: Giành độc lập dân tộc để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người đã có những nhận thức sâu sắc, độc đáo về mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Người chỉ rõ tầm quan trọng đặc biệt của độc lập dân tộc trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội, về tính *tự thân vận động* của công cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc và về khả năng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa nổ ra và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Từ nghiên cứu lý luận, áp dụng vào những điều kiện cụ thể, Hồ Chí Minh đã hình thành một hệ thống các luận điểm chính xác và đúng đắn về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Xác định đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó có cả các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc..., tư tưởng Hồ Chí Minh có giá trị to lớn về mặt lý luận và đang trở thành hiện thực trong giải quyết nhiều vấn đề quốc tế ngày nay.

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người

Đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh đối với thời đại là tư việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, đã chỉ ra một con đường cách mạng, một hướng đi và tiếp theo đó là một phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu người bị áp bức ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Hồ Chí Minh đã có đóng góp to lớn khi giải quyết đúng đắn vấn đề "Làm cách nào để giải phóng các dân tộc thuộc địa". Người đã xác định chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù lớn nhất của các dân tộc bị áp bức và để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc cần phải thực hiện "đại đoàn kết", "đại hòa hợp".

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thế giới còn ở chỗ, ngay từ rất sớm, Người đã nhận thức đúng sự *biến chuyển* của thời đại, đặt cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa vào phạm trù cách mạng vô sản và hoạt động không mệt mỏi cho phong trào cách mạng thế giới. Người liên quyết bảo vệ và phát triển quan điểm của V.I. Lênin về khả năng to lớn và vai trò chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa đối với cách mạng vô sản.

Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam. Rồi chính từ kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, Người đi đến khẳng định bài học chung của các dân tộc. Người viết: "... *trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân*

dân rộng rãi trước hết là nông dân và đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước trong mặt trận thống nhất, với sự đồng tình và ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới, trước hết là của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, nhân dân nước đó nhất định thắng lợi"¹.

Những tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ mãi mãi là chân lý sáng ngời, góp phần vào sự kiến tạo và phát triển của nhân loại.

c) Tư tưởng Hồ Chí Minh cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả

Tư tưởng Hồ Chí Minh và cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Người là một tấm gương sáng cổ vũ nhiều dân tộc trên thế giới tham gia vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của dân tộc và thời đại, là tài sản vô giá của dân tộc ta. Tư tưởng của Người không chỉ tiếp thu, kế thừa những giá trị tinh hoa văn hóa của loài người, trong đó chủ yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn giải đáp nhiều vấn đề của thời đại, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam và thế giới. Trong suốt chặng đường hơn một nửa thế kỷ, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr. 315-316.

thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng ta và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong bối cảnh của thế giới ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn có liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển xã hội và bảo đảm quyền con người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng vững chắc để Đảng ta vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn; là sự chỉ đạo dẫn đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ đối với mỗi thời kỳ cách mạng.

Hồ Chí Minh trung thành với những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời khi nghiên cứu, vận dụng những nguyên lý đó, Hồ Chí Minh đã mạnh dạn loại bỏ những gì không thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, đề xuất những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra và giải quyết một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả. Người đã căn dặn: "... lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"¹.

Hồ Chí Minh đã xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam, định hướng cho sự phát triển của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr.496.

dân tộc, đó là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp đấu tranh giải phóng trong thời đại cách mạng vô sản, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Ngày nay, tư tưởng đó đang được hiện thực hóa trong đời sống xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi sống với chúng ta, vì đã thấm sâu vào quần chúng nhân dân, được kiểm nghiệm qua thực tiễn cách mạng, ngày càng tỏa sáng, chiếm lĩnh trái tim, khối óc của hàng triệu, hàng triệu con người.

Bài 2

NGUỒN GỐC VÀ CƠ SỞ CỦA THẾ GIỚI XUNG QUANH

I. VẬT CHẤT VÀ CÁC THUỘC TÍNH CỦA VẬT CHẤT

1. Vấn đề nguồn gốc và cơ sở của thế giới xung quanh *

Để tồn tại, loài người phải thích nghi với thế giới xung quanh, nhưng con người không thích nghi với thế giới bên ngoài một cách thụ động mà luôn tìm cách biến đổi thế giới đó theo những yêu cầu cuộc sống của mình. Muốn vậy, con người cần hiểu biết về thế giới xung quanh cũng như về chính bản thân mình.

Thế giới quanh ta là gì? Nó bắt đầu từ đâu? Sức mạnh nào chi phối sự tồn tại và biến đổi của nó? Con người là gì? Con người được sinh ra như thế nào? Quan hệ của con người với thế giới bên ngoài ra sao? Con người có thể biết gì và làm gì với thế giới đó? Cuộc sống con người có ý nghĩa gì?, v.v.. Những câu hỏi như vậy được đặt ra với mức độ khác nhau đối với con người từ thời nguyên thủy cho đến ngày nay và cả mai sau.